

LD VIETSOVPEIRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/05/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+BK16	7:25	17+5	0+0		15+7	0+0	
2		PPD+GTC1+RP3	7:25	16+5+1	0+0+0		11+6+5	0+0+0	
3		AMD+TD5	7:25	5+17	0+0		0+22	0+0	
4		CTK3+P10+CLO	9:25	19+1+2	0+0+0		19+0+3	0+0+0	
5		BK4+AMD+CTK3	9:25	0+19+0	0+0+0		0+13+9	0+0+0	CHUYEN 3 PAX BK4-AMD
6		CTK3+PPD	9:25	13+7	0+0		8+14	0+0	
7		T.JUNG	11:25	15	0		14	0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/05/2018	TO: TD3 - BK16	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: LBinh - DUONG - PTUÁN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SADOVNIKOV	TD3	26	1	8	55	125	KHOAN	Russian
2	NGUYEN NAM CUONG	TD3	61	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
3	TRAN HUU THO	TD3	64	1	4		76	KHOAN	Vietnamese
4	NGO DINH HUNG THAI	TD3	77	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
5	PHAM HUNG DUONG	TD3	62	1	2		95	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN MANH HUNG	TD3	60	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	HUYNH AI HUU	TD3	65	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
8	VU HUNG ANH	TD3	76	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN THANG LOI	TD3	78	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
10	VU LONG PHI	TD3	63	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN TAP TOAN	TD3	59	1	7		76	KHOAN	Vietnamese
12	KHADINOV	TD3	27	1	7		77	KHOAN	Russian
13	NGUYEN THUA THAI	TD3	30	1	7		62	CODIEN	Vietnamese
14	HOANG MINH HAI	TD3	31,58	2	15	34	79	CODIEN	Vietnamese
15	LE TUNG LAM	TD3	29	1	5		64	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN LAM THANG	TD3	28	1	5		90	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN PHU QUANG	TD3	66	1	9		58	PSV	Vietnamese
18	VU VAN TIEN	BK16	87	1	2	40	64	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN VAN HUNG	BK16	86	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
20	LE MINH THANG	BK16	85	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN MINH DIEN	BK16	89	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN XUAN HOA	BK16	88	1	2		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	17	18	107	1.323	89	15		
2	BK16	5	5	17	349	40	7		
TOTAL		22	23	124	1.672	129	22		
WEIGHT KG				124	1.672	129			

GRAND TOAL: 1.925 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28-May-18	TO: PPD - GTC1 - RP3	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: TTrung - Vận - NNam	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHUNG PHU SUA	PPD	74	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGO MANH HUNG	PPD	79	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN MANH CHIEN	PPD	76	1	5	50	60	KH-THAC	Vietnamese
4	DAO MANH HUY	PPD	77	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI NGOC DUNG	PPD	80	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN GIANG	PPD	78	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG NGOC TRUONG	PPD	70	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
8	TRINH DUY NAM	PPD	75	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN VAN TAN	PPD					72	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM NGOC ANH	PPD	72	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	DO DUC QUAN	PPD	73	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI VAN DAO	PPD	81	1	5		92	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TRONG CUONG	PPD	68	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRUONG TRI DUNG	PPD	69	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	LUONG VAN TANG	PPD	71	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
16	VU CHI KIEN	PPD					78	KH-THAC	Vietnamese
17	KURPASOV	GTC1					78	KH-THAC	Russian
18	NGUYEN HUU TAN	GTC1	41	1	5	50	71	KH-THAC	Vietnamese
19	VU TRUNG KIEN	GTC1	42	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN BAC	GTC1	69	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
21	NGO TRUNG LUYEN	GTC1	40	1	5		75	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN HUU MAU	RP3	77	1	5	5	70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	16	14	68	1.107	50	14		
2	GTC1	5	4	20	356	50	6		
3	RP3	1	1	5	70	5	5		
TOTAL		22	19	93	1.533	105	22		
WEIGHT KG				93	1.533	105			

GRAND TOAL: 1.731 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/05/2018	TO: AMD - TD5	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Khang - MTHAO - HIÊU	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CAO HUU CHIEU	AMD	79-80	2	11	40	54	KH-THAC	Vietnamese
2	TRINH THUONG MAI	AMD	77	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
3	THAN CANH THINH	AMD	73-74	2	17		74	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN ANH KHOA**	AMD	75-76	2	10		66	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM NGOC TUAN	AMD	78	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
6	HA VAN DUNG	TD5					75	KHOAN	Vietnamese
7	UVAISHOV A.X	TD5	66	1	10		90	KHOAN	Russian
8	DUONG DIEP PHI	TD5	62	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN NHU Y	TD5	64	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
10	LE VIET THANG	TD5	67	1	5		59	KHOAN	Vietnamese
11	PHUNG NGUYEN NGOC	TD5	68	1	4		88	KHOAN	Vietnamese
12	ĐINH VAN SU	TD5	60	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
13	LE VAN HIEN	TD5	65	1	4		77	KHOAN	Vietnamese
14	PHAM QUANG NGU	TD5	57	1	4	50	71	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN DUY ĐỨC	TD5	59	1	3		79	KHOAN	Vietnamese
16	VI HUNG CUONG	TD5	63	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN TUAN ANH	TD5	61	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN HUU LỘC	TD5	56	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN MINH HIEU	TD5	58	1	7		83	KHOAN	Vietnamese
20	LE QUANG NGHIÊP	TD5	69-70	2	10		70	NHA THAU	Vietnamese
21	NGUYEN PHU QUOC *****	TD5	71	1	7		66	NHA THAU	Vietnamese
22	TA HOAI TRANG	TD5	55	1	5		72	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	5	8	50	314	40	1		
2	TD5	17	17	89	1.276	50	21		
TOTAL		22	25	139	1.590	90	22		
WEIGHT KG				139	1.590	90			

GRAND TOAL: 1.819 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/05/2018	TO: CTK3 - P10 - CLO	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: LBinh - DUONG - PTUÁN	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM XUÂN HÒA	CTK3					75	YTE	Vietnamese
2	PHẠM BA HOANG	CTK3	49-50	2	11		65	KH-THAC	Vietnamese
3	BOGDANOV	CTK3	36	1	8		84	KH-THAC	Russian
4	TRINH QUOC HUY	CTK3	44	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN SAU	CTK3	64	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN DINH QUYET	CTK3	34	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM VĂN DŨ	CTK3	37	1	4	15	55	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ MINH ĐỨC	CTK3	35	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HIEN	CTK3					70	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐINH NHỎ HOANG	CTK3	43	1	9		91	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TRỌNG LINH	CTK3	32	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN BA HUỆ	CTK3	39-40	2	7		72	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ THANH CHUNG	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ QUANG THANG	CTK3	41	1	4		56	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN QUOC THAI	CTK3	38	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN MINH KHÔI	CTK3	33	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN SƠN HA	CTK3	46	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ ĐÌNH HUY	CTK3	47-48	2	13		64	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI HUU HUAN	CTK3	42	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN QUANG ANH	P10	68	1	4		70	ANTOAN	Vietnamese
21	VŨ ANH HIỆU	CLO	84	1	15		60	NHA THAU	Vietnamese
22	NGUYEN HUU TRUNG	CLO	83	1	12		78	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	19	19	102	1.339	15	19		
2	P10	1	1	4	70	0	0		
3	CLO	2	2	27	138	0	3		
TOTAL		22	22	133	1.547	15	22		
WEIGHT KG				133	1.547	15			

GRAND TOTAL: 1.695 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28-May-18	TO: CTK3 - PPD	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Khang - MTHAO - HIẾU	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUỐC KHIÊM	CTK3					86	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ CANH HUNG	CTK3	79	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN NHÂN KHANH	CTK3	82	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGÔ HỮU HUY TŨ	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN PHÚC PHƯỢNG	CTK3	83	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC THANH	CTK3	86	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM QUỐC CUÔNG	CTK3	85	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN HÈ	CTK3	84	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ HỮU HÀ	CTK3	77	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN MUỐI	CTK3	80	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN BÌNH	CTK3					77	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ HỮU ĐỨC	CTK3	81	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐINH VĂN HAI	PPD	06	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HÀ	PPD	03	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI TRAN VIET	PPD	02	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	PPD	07	1	4	54	70	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ NGỌC SƠN	PPD	01	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN MẠNH CUÔNG	PPD	05	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	PPD	04	1	6		80	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	13	9	45	971	0	6		
2	PPD	7	7	33	481	54	16		
TOTAL		20	16	78	1.452	54	22		
WEIGHT KG				78	1.452	54			

GRAND TOTAL: 1.584 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/05/2018	TO: BK4 - AMD - CTK3	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: TTrung - Vậ - NNam	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VIỆT THĂNG	AMD	85	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG MINH ĐỨC (PVDT)	AMD	87	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN VIỆT	AMD	83	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN NGHIỆP	AMD	86	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN THIN	AMD	89	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	VADIM BOGACHEV (PVDT)	AMD	84	1	5		85	KH-THAC	Russian
7	LE THANH HAI	AMD	88	1	10		92	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TRAI	AMD	91	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ HỮU HA	AMD	90	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG ĐÌNH HAI	AMD	92	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI QUANG HANH	AMD	97	1	5	24	70	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM DUY HUNG	AMD	96	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
13	VUONG QUỐC VIỆT	AMD	93-95	3	17		70	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN TOÀN	AMD	19-20	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG QUANG LỘC	AMD	98	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ MẠNH ĐIẾP	AMD	99,100	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HỒNG SƠN	AMD	21,53	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC CHIÊN	AMD	54	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN QUỐC CƯỜNG	AMD	18	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	0	0	0	0	0	0	+3	CHUYỂN 3 PAX BK4 SANG AMD
2	AMD	19	24	142	1.366	24	10		
3	CTK3	0	0	0	0	0	12		
TOTAL		19	24	142	1.366	24	22		
WEIGHT KG				142	1.366	24			

GRAND TOAL: 1.532 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/05/2018	TO: BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 622	ETD: 12:30
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Lac - Nam	ETA: 15:30
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÔ TUẤN MẠNH	BK THIE	76	1	3		65	PVD	Vietnamese
2	HUYNH HIEU NGHIA	BK THIE	73	1	7		78	PVD	Vietnamese
3	PHẠM VĂN THỊ	BK THIE	77	1	14		75	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN QUANG HOA	BK THIE	78	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TIẾN SƠN	BK THIE	68	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
6	KIỀU XUÂN TÂM	BK THIE	72	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẠO DUY TU	BK THIE	79	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG VĂN TRỌNG	BK THIE	74	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH HẢI	BK THIE	69	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẠO ĐÌNH HUY	BK THIE	80	1	15		76	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ MINH HỒI	BK THIE	81	1	5	15	70	PSV	Vietnamese
12	ĐỖ ĐẶNG THANH	BK THIE	71	1	7		64	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN QUANG	BK THIE					67	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG THẮNG	BK THIE	75	1	3		52	PSV	Vietnamese
15	PHẠM HÙNG SƠN	BK THIE	70	1	5		57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK THIEN UNG	15	14	90	1.035	15	14		
	TOTAL	15	14	90	1.035	15	14		
	WEIGHT KG			90	1.035	15			

GRAND TOAL: 1.140 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 29/05/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD2+P10	7:25	15+7	0+0		14+8	0+0	
2		DD3+P10	7:25	10+9	0+0		8+11	0+0	
3		P2+BK6+TD1	7:25	16+4+2	0+0+0		16+3+3	0+0+0	
4		P9+BK10+BK4	7:25	12+5+5	0+0+0		5+10+7	0+0+0	
5		P10+P9+P2	9:25	9+6+6	0+0+0		6+9+7	0+0+0	
6		DD3+RP2	9:25	16+3	0+0		15+4	0+0	
7		BK3+TD2+P9	9:25	7+8+7	0+0+0		5+6+11	0+0+0	
8		P7+P11+PVD2	9:25	5+13+4	0+0+0		0+14+8	0+0+0	

TTBBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/DD3-1 NGUOI SBAY DI KIEM TRA SAN ĐỒ VỀ TRONG NGÀY CHUYẾN 2



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/05/2018	TO: PVD2 - P10	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HUNG - Hanh - Toan	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TAN VUONG	PVD2	33	1	5	69	66	KHOAN	Vietnamese
2	TU DUONG VAN	PVD2	45	1	5		86	KHOAN	Vietnamese
3	TRAN HUY NINH	PVD2	32	1	4		54	KHOAN	Vietnamese
4	TRINH BA BINH	PVD2	29	1	7		84	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN THANH LONG	PVD2	31	1	2		80	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN TRONG THUAN	PVD2	36	1	6		68	KHOAN	Vietnamese
7	MAI DONG DUY	PVD2	30	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN HUU DAT	PVD2	37	1	8		77	KHOAN	Vietnamese
9	LE THANH BINH	PVD2	35	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN DUC CHI	PVD2	34	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
11	VO VAN HOAT	PVD2	39	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VU HAI	PVD2	40	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN XUAN TUAN	PVD2	38	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
14	VU VAN THUONG	PVD2	28	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN DONG HAI	PVD2	27	1	3		58	KHOAN	Vietnamese
16	BADIKOV M.F	P10	93	1	5	15	72	KH-THAC	Russian
17	PODUMOV D.N	P10	94	1	7		146	KH-THAC	Russian
18	PHAM VAN HUONG	P10	95	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
19	VU ĐỨC HÙNG	P10	96	1	10		88	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN QUOC KHANH	P10	74	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN KIM NGOC	P10	69	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN THE HUNG	P10					78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	15	15	77	1.024	69	14		
2	P10	7	6	41	600	15	8		
TOTAL		22	21	118	1.624	84	22		
WEIGHT KG				118	1.624	84			

GRAND TOAL: 1.826 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/05/2018	TO: DD3 - P10	AIRCRAFT: 610	ETD: 07:25
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Thủy - TÙNG	ETA: 09:00
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN DOAN	DD3	84	1	7		56	KHOAN	Vietnamese
2	NGO VAN LINH	DD3					70	D-HANH	Vietnamese
3	BERNTSEN AGNE	DD3	70	1	8	27	82	KHOAN	Norway
4	HOGNE CHUL JAKOBSEN	DD3	78	1	7	18	80	KHOAN	Norway
5	JINNY JOSE AKKARA	DD3	74	1	7		88	KHOAN	Indian
6	MEIYAPPAN MUTHURAMALINGAM	DD3	81-82	2	16		70	KHOAN	Indian
7	ASHISH PARDHY	DD3	75	1	10		100	KHOAN	Indian
8	FAHRUL ROZI	DD3	76-77	2	15		63	KHOAN	Indonesian
9	NGUYEN QUOC VIET	DD3	73	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
10	LUONG VAN VINH	DD3	83	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN HỮU TRI	P10	45	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG VĂN HỘI	P10	44	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN KHANH TOÀN	P10	48	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN TAM NHAN	P10	43	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
15	VU BAO TRUNG	P10	49	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT ANH	P10	41	1	9		67	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC PHI	P10	42	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ QUỐC TIẾN	P10	47	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HUAN	P10	46	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	DD3	10	11	79	747	45	8		
2	P10	9	9	56	639	0	11		
TOTAL		19	20	135	1.386	45	19		
WEIGHT KG				135	1.386	45			

GRAND TOAL: 1.566 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29-May-18	TO: TD1 - BK6 - P2	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Phong - TRUÔNG - DTùng	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG TUAN HAI	TD1	97	1	6	58	70	KH-THAC	Vietnamese
2	LE VAN TIET	TD1	96	1	11		76	KH-THAC	Vietnamese
3	TRUONG THE VINH	BK6	75	1	6	30	68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN THE KHUONG	BK6	74	1	11		69	KH-THAC	Vietnamese
5	TO DINH TUYEN	BK6	77	1	9		68	KH-THAC	Vietnamese
6	HA CHIEN THANG	BK6	76	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN GIA TUAN	P2	85	1	7		70	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN MANH HUNG	P2	74	1	12	13	77	KH-THAC	Vietnamese
9	PARSHIN	P2	76-77	2	14	11	85	KH-THAC	Russian
10	LE TRI HAO	P2				15	66	KH-THAC	Vietnamese
11	LE ANH VU	P2	71	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN ANH DUC	P2	73	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
13	DO HUU NGUYEN	P2	83	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐANG THANH TRUNG	P2	72	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
15	BIEN ĐANG SAM	P2	68	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN MANH UT	P2	78	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	LE TRUNG CUONG	P2	70	1	7		53	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN DUC DUC	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
19	CAO VAN HOI	P2					76	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐANG QUOC VIEN	P2	79	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
21	VU DINH THUAN	P2	69	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
22	VU VAN ĐONG	P2	75	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	2	2	17	146	58	2		
2	BK6	4	4	32	280	30	3		
3	P2	16	14	101	1.108	39	17		
TOTAL		22	20	150	1.534	127	22		
WEIGHT KG				150	1.534	127			

GRAND TOAL: 1.811 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/05/2018	TO: P9 - BK10 - BK4	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Khang - MTuấn - Luy	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN BA THANH	P9	52	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
2	HOÀ ĐỨC HIỀN	P9	53	1	9		51	YTE	Vietnamese
3	TRAN VAN QUE	P9	60	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN THANH HAI	P9	62	1	5		88	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI NGOC LONG	P9	55	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
6	LE TAM THUY	P9	61	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẠO VIỆT HAI	P9	58	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẬU THE HAI	P9	59	1	5	15	81	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM ĐỨC BÌNH	P9	57	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
10	LE LANG TU	P9	51	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN XUAN HUONG	P9	54	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HOAI THANH	P9	56	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
13	VU VAN CUONG	BK10	82	1	5		86	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN CONG HOAN	BK10	76	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TUAN ANH	BK10	75	1	8	40	70	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN KHUÔNG	BK10	500	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG NHẬT ANH	BK10	99	1	5		55	PSV	Vietnamese
18	GALLIAMOV.I.M.	BK4	29	1	6		63	KH-THAC	Russian
19	TÔNG TRUNG HUY	BK4	28	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN ĐỨC BA	BK4	26	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐOÀN NGUYEN BAO CHAU	BK4	30	1	5	40	60	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐẠO MINH ĐỨC	BK4	27	1	5		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	12	12	66	861	15	5		
2	BK10	5	5	24	344	40	10		
3	BK4	5	5	25	328	40	7		
TOTAL		22	22	115	1.533	95	22		
WEIGHT KG				115	1.533	95			

GRAND TOAL: 1.743 KGS

VSP REP.

VNH.REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/05/2018	TO: P10 - P9 - P2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: HUNG - Hạnh - Toan	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ ĐÌNH H VẠN	P10	95	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM HỮU TRI	P10	92	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU THANH VINH	P10	04	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN TRỌNG MẠNH	P10	96	1	2		60	KH-THAC	Vietnamese
5	HUYNH CÔNG VẠN	P10	94	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
6	TRỊNH XUÂN QUÂN	P10	98	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
7	CHU VĂN VƯƠNG	P10	97	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN HÙNG MÊN	P10	93	1	5		64	YTE	Vietnamese
9	BÙI CÔNG TRÌNH	P10	99	1	4		63	NHATHAU	Vietnamese
10	TRỊNH HUY KHIÊM	P9	02	1	4	35	71	KH-THAC	Vietnamese
11	TRỊNH THÈ NHẬN	P9	04	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH TUNG	P9	06	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC TIÊN	P9	03	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HIỆU	P9	05	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TUẤN ANH	P9	01	1	2		64	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐOÀN MINH XANH	P2	87	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN NGỌC SƠN	P2	93	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN CHI HƯƠNG	P2	91-92	2	12		71	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN BÀU	P2	88	1	5		63	ANTOAN	Vietnamese
20	PHẠM VĂN ĐỨC	P2	89	1	10	15	80	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	9	9	40	625	0	6		
2	P9	6	6	28	428	35	9		
3	P2	5	6	37	326	15	7		
TOTAL		20	21	105	1.379	50	22		
WEIGHT KG				105	1.379	50			

GRAND TOAL: 1.534 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/05/2018	TO: DD3 - RP2	AIRCRAFT: 610	ETD: 09:30
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Thủy - TÙNG - Linh	ETA: 11:00
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HO XUAN TUYEN SV	DD3	43	1	14	12	70	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN SY HIEU	DD3	34	1	6		73	KHOAN	Vietnamese
3	DOAN VAN CHUNG	DD3	41	1	6		58	KHOAN	Vietnamese
4	EDWIN IBOH	DD3	40	1	10		90	KHOAN	Malaysian
5	NGUYEN VAN THANG	DD3	37	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
6	ALWAN YASRI	DD3	38	1	9		70	KHOAN	Indonesian
7	KHUAT MINH VINH	DD3	29	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN ANH TU	DD3	44	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM THE LONG	DD3	35	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
10	KIEU VAN HUAN	DD3	39	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN XUAN VU	DD3					77	KHOAN	Vietnamese
12	DUONG VAN TUAN	DD3	32-33	2	15		58	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN THANH DVL	DD3	36	1	11		74	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN HIEU DVL	DD3	31	1	13		83	KHOAN	Vietnamese
15	VU VAN NAM DVL	DD3	30	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
16	VU MANH THANG	RP2	28	1	6		69	GETRACO	Vietnamese
17	NGUYEN CANH HIEN	RP2	27	1	3		53	GETRACO	Vietnamese
18	HO VAN THAO	RP2	29	1	5	15	70	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	DD3	15	15	114	1.058	12	15		
2	RP2	3	3	14	192	15	4		
TOTAL		18	18	128	1.250	27	19		
WEIGHT KG				128	1.250	27			

GRAND TOAL: 1.405 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29-May-18	TO: BK3 - TD2 - P9	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:40
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: HUNG - Hạnh - Toan	ETA: 13:25
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ VĂN TỬ	BK3					77	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM HIẾN TRƯỞNG	BK3	45	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN CHÂU NAM	BK3	44	1	7		81	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI ĐỨC THUẬN	BK3	43	1	8	35	67	KH-THAC	Vietnamese
5	LƯƠNG MINH PHỤNG	BK3	49-50	2	11		63	T-TIN	Vietnamese
6	PHẠM HUY ĐÌNH	BK3	47-48	2	10		67	T-TIN	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐỨC MÃN	BK3	46	1	3		57	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU LONG	TD2	57	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
9	BABKIN A.M	TD2	63	1	8		85	KH-THAC	Russian
10	LƯU TIẾN THÀNH	TD2	60	1	6		79	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN QUANG HOÀNG	TD2	61	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HOÀNG KHA	TD2	59	1	8	50	74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG BĂNG	TD2	64	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN NAM	TD2	58	1	6		95	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TRUNG	TD2	62	1	10		79	PSV	Vietnamese
16	TRẦN NGỌC ĐỘ	P9	69	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN ĐÀ KHA	P9	67-68	2	5		85	KH-THAC	Vietnamese
18	HƯA SẦY	P9	71	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC THANH	P9	70	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	LƯƠNG XUÂN THAI	P9	72-73	2	10		69	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN MINH HIẾN	P9	65-66	2	7		76	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI CÔNG THẮNG	P9	64	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	7	8	44	476	35	5		
2	TD2	8	8	56	602	50	6		
3	P9	7	10	42	484	0	11		
TOTAL		22	26	142	1.562	85	22		
WEIGHT KG				142	1.562	85			

GRAND TOAL: 1.789 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29-May-18	TO: P7 - P11 - PVD2	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Khang - MTuấn - Luy	ETA: 11:30
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM QUỐC VIỆT	P7	04-05	2	10		78	CODIEN	Vietnamese
2	ĐO TRƯỜNG DIÊN	P7	06-07	2	12		80	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN DUY BÀI	P7	03	1	10		80	CODIEN	Vietnamese
4	LÊ BẬT THƯỜNG	P7	02	1	4		85	CODIEN	Vietnamese
5	LÊ HỒNG ĐỨC	P7	01	1	4		75	CODIEN	Vietnamese
6	HOÀNG MẠNH CUÔNG	P11					65	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN CỎ	P11	63	1	3		52	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ NGỌC ANH	P11	59	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRƯỜNG NHẬT MINH	P11	68	1	10	42	78	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN CÔNG HOÀNG	P11	66	1	6	12	68	KH-THAC	Vietnamese
11	MAI CÔNG LAN	P11	65	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ ĐĂNG HOÀNG	P11	64	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
13	HUYNH BÁ NINH	P11	60-61	2	15		55	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ BA HOA	P11	62	1	17		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	P11	67	1	15		82	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN QUANG TÂN	P11	57	1	3		62	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HIỆN	P11	58	1	4		71	PSV	Vietnamese
18	PHẠM VĂN TÂN	PVD2	46	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM VĂN HÙNG	PVD2	50	1	10		68	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN DINH HẢO	PVD2	49	1	9		77	KHOAN	Vietnamese
21	RICHARD HUGHES	PVD2	47-48	2	15		80	KHOAN	British

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	5	7	40	398	0	0		
2	P11	12	12	85	813	54	14		
3	PVD2	4	5	38	288	0	8		
TOTAL		21	24	163	1.499	54	22		
WEIGHT KG				163	1.499	54			

GRAND TOAL: 1.716 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN